

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2020

“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đông và bà Vũ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H - sinh năm 1987.

HKTT: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Vũ Ngọc C - sinh năm 1987.

HKTT: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Chị H có mặt, anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn- chị Vũ Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Ngọc C được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 27/5/2008 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vợ chồng chị tổ chức cuộc sống chung cùng gia đình chồng, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh C không tin tưởng chị về tình cảm cũng như việc quản lý kinh tế gia đình. Vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ trong cuộc sống mà thường xuyên xảy ra va chạm to tiếng với nhau. Anh C đã đánh, chửi, xúc phạm danh dự của chị

làm chị bị tổn thương nặng nề. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng, áp lực. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên tháng 4/2019, chị cho hai con về gia đình mẹ đẻ tại thôn V, xã H, huyện N sinh sống, chị chuyển trường cho các con học tại xã H, huyện N. Vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tổ chức được cuộc sống chung hạnh phúc, đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Chị và anh C có hai con chung: Vũ Thị Huyền T, sinh ngày 19/02/2009 và Vũ Ngọc Xuân T, sinh ngày 07/8/2010, hiện hai con đang ở cùng chị. Nếu ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Chị cam kết đảm bảo cuộc sống của con chung.

Về tài sản chung, nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bị đơn- anh Vũ Ngọc C trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị H trình bày là đúng.

Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không hợp nhau về lối sống, cách cư xử, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay, chị H về gia đình bố mẹ đẻ ở không quay lại chung sống cùng anh. Trong thời gian ly thân anh chị đã gặp nhau để tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Tại Biên bản lấy lời khai anh xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không thể đoàn tụ được, anh nhất trí ly hôn. Nhưng sau đó anh thay đổi quan điểm không nhất trí ly hôn.

Anh và chị H có hai con chung là Vũ Thị Huyền T, sinh ngày 19/02/2009 và Vũ Ngọc Xuân T, sinh ngày 07/8/2010, hiện đang ở cùng chị H. Trường hợp ly hôn, anh được biết cả hai con chung xin ở với mẹ, chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung, anh nhất trí.

Về tài sản chung, nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị H chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh C vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do là chưa nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ

luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Vũ Ngọc C.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Vũ Thị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Vũ Thị Huyền T, sinh ngày 19/02/2009 và Vũ Ngọc Xuân T, sinh ngày 07/8/2010 (hiện đang ở cùng chị H) đến khi mỗi con chung 18 tuổi, trưởng thành. Công nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Chị H, anh C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Anh Vũ Ngọc C là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Vũ Ngọc C được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 27/5/2008, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm; không hợp nhau về lối sống; không tin tưởng nhau về tình cảm và cách quản lý kinh tế; Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Chị H xin ly hôn, tại biên bản lấy lời khai ban đầu, anh C thừa nhận vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Sau đó anh thay đổi quan điểm, anh không đồng ý ly hôn, anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị H làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất của vợ chồng sang tên anh. Như vậy lý do không đồng ý ly hôn của anh C không vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét mâu thuẫn giữa chị H, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H ly hôn anh C là phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H, anh C có hai con chung là Vũ Thị Huyền T, sinh ngày 19/02/2009 và Vũ Ngọc Xuân T, sinh ngày 07/8/2010, hiện đang ở cùng chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi cả con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, anh C nhất trí. Cháu Huyền T và cháu Xuân T có quan điểm xin ở cùng chị H. Hiện cháu Huyền T và cháu Xuân T đang được chị H nuôi dưỡng, đảm bảo phát triển về mọi mặt. Bản thân chị H có việc làm, thu nhập ổn định, nơi ở của mẹ con chị tiện nghi; thuận tiện cho việc học của hai con. Để đảm bảo quyền lợi của con chung nên giao cháu Huyền T và cháu Xuân T cho chị H nuôi dưỡng; chị H tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, chị cam kết đảm bảo cuộc sống của con chung nên chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ, công sức: Chị H, anh C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Vũ Ngọc C.

2 - Về quan hệ con chung: Giao cho chị Vũ Thị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Vũ Thị Huyền T, sinh ngày 19/02/2009 và Vũ Ngọc Xuân T, sinh ngày 07/8/2010 (hiện đang ở cùng chị H) cho đến khi mỗi con chung 18 tuổi, trưởng thành.

Công nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005501 ngày 09/01/2020.

4- Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã T, huyện B,
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quyên